

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIA BÌNH, TỈNH BẮC NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2019/DS-ST

Ngày: 29-10-2019

V/v: Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản giữa
bà B với ông S và bà P.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA BÌNH, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuyến.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hồ Ngọc Anh;

2. Ông Nguyễn Văn Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Cường – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 29/10/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2019/TLST-DS ngày 03/6/2019 về “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2019/QĐXX-ST ngày 04/10/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị B, sinh năm: 1968;

Địa chỉ: Số 53 P, phường C, Quận Đ, tp. Hà Nội;

*. Người đại diện theo ủy quyền của bà B: Ông Trần Văn H, sinh năm 1977, Luật sư Văn phòng Luật sư S, thuộc đoàn luật sư thành phố Hà Nội, (theo văn bản ủy quyền ngày 10/10/2019), có mặt;

Địa chỉ: Số 137 phố Đ, phường Liễu G, Quận B, tp. Hà Nội.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm: 1971, có mặt;

Địa chỉ: Thôn M, xã L, huyện G, tỉnh Bắc Ninh.

2.2. Bà Lê Thị P, sinh năm: 1971, có mặt;

Địa chỉ: Thôn M, xã L, huyện G, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*. Trong đơn khởi kiện ngày 09/3/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Trần Thị B cũng như tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của bà B là ông Trần Văn H trình bày: Giữa nguyên đơn và bị đơn là ông Nguyễn Văn S và bà Lê Thị P có giao kết hợp đồng vay tài sản ngày 02/8/2016, khi vay hai bên có lập giấy biên nhận vay tiền. Theo hợp đồng này, hai bên thỏa thuận là bà cho ông S và bà P vay 100.000.000 đồng; còn về thời hạn vay và lãi suất vay hai bên không xác định. Thời điểm giao kết hợp đồng vay tài sản trên thì ông S và bà P vẫn còn là vợ chồng (chưa ly hôn).

Quá trình thực hiện hợp đồng vay tài sản trên thì ông S và bà P chưa trả cho bà được đồng tiền gốc và lãi vay nào. Sau đó, mặc dù bà đã nhiều lần yêu cầu ông S và bà P trả nợ tiền gốc và lãi vay còn nợ, nhưng ông S và bà P vẫn không trả.

Tại phiên Tòa hôm nay, bà vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc ông S và bà P phải có nghĩa vụ trả bà:

- Về tiền gốc vay: 100.000.000 đồng; cụ thể: Ông S và bà P, mỗi người có nghĩa vụ trả bà 50.000.000 đồng.

- Về tiền lãi vay: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, không còn ý kiến hay yêu cầu gì khác.

*. Trong các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là ông Nguyễn Văn S trình bày: Ông thừa nhận lời trình bày trên của nguyên đơn là bà B và người đại diện theo ủy quyền của bà B là ông H về giao dịch hợp đồng vay tài sản giữa hai bên lập ngày 02/8/2016; về số tiền vay, thời hạn vay và lãi suất vay; về quá trình thực hiện hợp đồng vay tài sản; về số tiền vay còn nợ; ngoài ra, ông cũng thừa nhận giao dịch hợp đồng vay tài sản cũng như đây là số nợ chung trong thời kỳ hôn nhân giữa ông và bà P. Tuy nhiên, nay ông không nhất trí trả bà B số tiền gốc vay còn nợ trên.

*. Trong các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là bà Lê Thị P trình bày: Bà thừa nhận lời trình bày trên của nguyên đơn là bà B và người đại diện theo ủy quyền của bà B là ông Hùng về giao dịch hợp đồng vay tài sản giữa hai bên lập ngày 02/8/2016; về số tiền vay, thời hạn vay và lãi suất vay; về quá trình thực hiện hợp đồng vay tài sản; về số tiền vay còn nợ; ngoài ra, bà cũng thừa nhận giao dịch hợp đồng vay tài sản cũng như đây là số nợ chung trong thời kỳ hôn nhân giữa bà và ông S. Nay, bà nhất trí: Bà và ông S,

mỗi người có nghĩa vụ trả bà Sáu 50.000.000 đồng tiền gốc vay còn nợ (vì đây là số nợ chung trong thời kỳ hôn nhân giữa bà và ông S).

*. Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đã tuân thủ đầy đủ và đúng theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 và Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị:

+. *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*: Buộc bị đơn là ông S và bà P, mỗi người có nghĩa vụ trả nguyên đơn là bà B 50.000.000 đồng tiền gốc vay còn nợ theo hợp đồng vay tài sản giữa hai bên lập ngày 02/8/2016.

+. *Về án phí*: Buộc ông S và bà P phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1. *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:*

Hợp đồng vay tài sản giữa bà Trần Thị B với ông Nguyễn Văn S và bà Lê Thị P được xác lập ngày 02/8/2016 được xác định là hợp pháp và là hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi. Nay hai bên đều thống nhất và thừa nhận về giao dịch hợp đồng vay tài sản; về số tiền vay, thời hạn vay và lãi suất vay; về quá trình thực hiện hợp đồng vay; và thống nhất về số tiền gốc vay còn nợ. Ngoài ra, bị đơn là ông S và bà P đều thừa nhận giao dịch hợp đồng vay tài sản cũng như đây là số nợ chung, sử dụng vào mục đích chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân giữa ông S và bà P. Nên có thể xác định yêu cầu của nguyên đơn đưa ra là có căn cứ và phù hợp với pháp luật. Do vậy, cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn là ông S và bà P, mỗi người có nghĩa vụ trả nguyên đơn là bà B 50.000.000 đồng tiền gốc vay còn nợ theo hợp đồng vay tài sản giữa hai bên lập ngày 02/8/2016 là phù hợp với các Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 và Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tiền lãi vay: Nguyên đơn là bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do

đó, không đề cập xem xét.]

[2. *Về án phí*: Buộc ông S và bà P phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bà B không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo quy định của pháp luật.]

[3. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.]

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 và Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Buộc bị đơn là ông Nguyễn Văn S và bà Lê Thị P, mỗi người có nghĩa vụ trả nguyên đơn là bà Trần Thị B 50.000.000 đồng tiền gốc vay còn nợ theo hợp đồng vay tài sản giữa hai bên lập ngày 02/8/2016.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*. *Về án phí*: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị đơn là ông S và bà P, mỗi người phải chịu 2.500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn là bà B không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà B 2.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai

số AA/2015/0001591 ngày 03/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Bình.

*. *Về quyền kháng cáo:* Báo cho các đương sự có mặt biết quyền được kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Văn Tuyển
(đã ký)**

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**